

Số: 81/BC-TTĐVTH

Dân Tiến, ngày 13 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2026

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/ 3/ 2026. Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại kho bạc nhà nước quý II năm 2026;

Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

I. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí: không có

II. Dự toán chi ngân sách nhà nước

1. Tổng thu, chi ngân sách

Dự toán ngân sách cấp đầu năm 2026 (bao gồm cả bổ sung, chuyển nguồn): 13.344.090.340 đồng

- Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (nguồn 13): 733.000.000 đồng

- Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (nguồn 12): 1.900.223.000 đồng

- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 18): 58.712.000 đồng

- Vốn sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và nguồn vốn khác: 10.652.155.340 đồng

Trong đó:

- Các dự án chuyển nguồn năm 2025 sang năm 2026: 5.652.155.340 đ

- Các dự án kế hoạch vốn năm 2026: 5.000.000.000 đồng.

2. Tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm 2026

Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng chi ngân sách của đơn vị là 6.143.474.933 đồng đạt 46,039% so với dự toán năm, bằng 0% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

- Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (nguồn 13): 140.368.200 đồng đạt 19,150% so với dự toán năm, bằng 0% so với cùng kỳ năm trước.
- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12): 521.583.100 đồng đạt 27,449 % so với dự toán năm, bằng 0% so với cùng kỳ năm trước.
- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 18): 0 đồng đạt 0% so với dự toán năm, bằng 0% so với cùng kỳ năm trước.
- Vốn sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và nguồn vốn khác: 5.481.523.633 đồng.

Trong đó:

- Các dự án chuyển nguồn năm 2025 sang năm 2026: 4.365.913.333 đồng đạt 77,234% so với dự toán năm, bằng 0% so với cùng kỳ năm trước.
- Các dự án kế hoạch vốn năm 2026: 1.115.610.300 đồng đạt 22,312% so với dự toán năm, bằng 0% so với cùng kỳ năm trước.

3. Kết quả đạt được

Ưu điểm: Nhìn chung, công tác giải ngân 6 tháng đầu năm 2026 bám sát dự toán được giao. Các khoản chi được thực hiện đúng chế độ, đúng tiêu chuẩn, đúng định mức. Việc thực hiện dự toán đảm bảo đúng chế độ, chính sách, đúng đối tượng, công khai minh bạch, công tác chi trả được thực hiện kịp thời, không để xảy ra sai sót, tồn đọng.

Hạn chế: Các nội dung chi chuyên môn, giải ngân các dự án tỷ lệ còn thấp, cần đẩy nhanh chi cho các nội dung trên trong quý III để đảm bảo kế hoạch giao trong năm.

3. Công khai số liệu

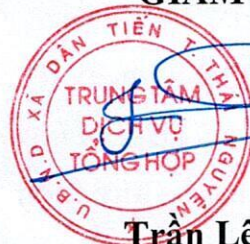
Đơn vị đính kèm biểu số liệu chi tiết (Mẫu biểu số 75: công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2026) tại bảng tin cơ quan và trang thông tin điện tử UBND xã Dân Tiến.

Trên đây là Báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2026 của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến. *lh*

Nơi nhận:

- Phòng KT xã;
- Website;
- Lưu: VT, KT.

GIÁM ĐỐC



Trần Lê Dũng

Đơn vị: Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân

Chương: 821

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

Căn cứ Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/ 3/ 2026. Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II (6 tháng) năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.344.090.340	6.143.474.933	46,039	0,000
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.344.090.340	6.143.474.933	46,039	0,000
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế (338)	1.182.000.000	281.179.300	19,150	0,000
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (nguồn 13)	733.000.000	140.368.200	19,150	0,000
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 18)	58.712.000	0,000	0,000	0,000
6.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	390.288.000	140.811.100	36,079	0,000
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (278)	50.000.000	0,000	0,000	0,000
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	50.000.000	0,000	0,000	0,000
8	Chi sự nghiệp văn hóa (161)	120.000.000	46.795.600	38,996	0,000
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	120.000.000	46.795.600	38,996	0,000
9	Chi sự nghiệp thông tin (171)	120.000.000	3.360.000	2,800	0,000
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	120.000.000	3.360.000	2,800	0,000
10	Chi sự nghiệp phát thanh (191)	105.000.000	0,000	0,000	0,000
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	105.000.000	0,000	0,000	0,000
11	Chi sự nghiệp thể dục thể thao (221)	242.035.000	220.195.400	90,977	0,000
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	242.035.000	220.195.400	90,977	0,000
12	Chi sự nghiệp nông nghiệp, nông thôn về cây trồng, vật nuôi (281)	513.900.000	89.361.000	17,389	0,000
12.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
12.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	513.900.000	89.361.000	17,389	0,000
13	Chi sự nghiệp thủy lợi và dịch vụ thủy lợi (283)	317.000.000	0,000	0,000	0,000
13.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
13.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	317.000.000	0,000	0,000	0,000
14	Chi sự nghiệp quản lý nhà nước (341)	42.000.000	21.060.000	50,143	0,000
14.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
14.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	42.000.000	21.060.000	50,143	0,000

12

15	Chi vốn sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các nguồn khác (chuyên nguồn)	5.652.155.340	4.365.913.333	77,243	0,000
15.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
15.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	5.652.155.340	4.365.913.333	77,243	0,000
16	Các dự án kế hoạch vốn năm 2026	5.000.000.000	1.115.610.300	22,312	0,000
16.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
16.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	5.000.000.000	1.115.610.300	22,312	0,000
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 13 tháng 7 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Trần Lê Dũng